

GIÁO TRÌNH JQUERY CỦA VIETPRO EDUCATION (BUỔI 1)

A – LÝ THUYẾT

I – GIỚI THIỆU VỀ JQUERY

1. Giới thiệu

jQuery bản chất là thư viện của Javascript, được viết bằng ngôn ngữ Javascript. jQuery giúp lập trình viên xây dựng các hiệu ứng chuyển động mượt mà trước đây bằng Javascript tiết kiệm được nhiều thời gian hơn do chỉ phải viết những đoạn ngắn hơn Javascript.

2. Cài đặt

Để sử dụng jQuery (thư viện của Javascript) các bạn chỉ cần làm theo các bước sau

Bước 1:

Truy cập vào trang chủ của jQuery theo đường dẫn sau <https://jquery.com>

Bước 2:

Download phiên bản mới nhất của jQuery, tại thời điểm hiện tại thì jQuery đang có phiên bản mới nhất là 2.1.4

Khi các bạn download sẽ phát hiện file jQuery có định dạng là jquery-2.1.4.js và jquery-2.1.4.min.js

Trong đó

- jquery-2.1.4.js: Thư viện jQuery, các đoạn mã xây dựng nên thư viện được viết hoàn toàn bằng Javascript
- jquery-2.1.4.min.js: Cũng là Thư viện jQuery nhưng được loại bỏ hết các khoảng trắng, xuống dòng để giảm dung lượng của file

Bước 3:

Sử dụng thư viện jQuery bằng cách triệu gọi file jQuery vào tài liệu mà các bạn đang làm việc theo cú pháp triệu gọi file trong Javascript

<script src="url"></script>

3. Không gian làm việc đối với jQuery

Không gian làm việc đối với jQuery cũng chính là là không gian làm việc mà các bạn đã từng làm việc trong Javascript

<script></script>

II – BẮT ĐẦU LÀM VIỆC VỚI JQUERY

1. Cú pháp làm việc với jQuery

Cú pháp:

\$(selector).action()

Trong đó:

- \$: Từ khóa để bắt đầu một đối tượng mà jQuery sẽ làm việc
- Selector: HTML Tag, class, ID
- Action(): Một hoặc nhiều hành động của jQuery, nó chính là các phương thức (Hàm)

Ví dụ:

```
$('#p').hide();
```

2. Chạy chương trình jQuery

Cú pháp:

```
$(document).ready(function(e) {  
    // vùng viết mã với jQuery  
});
```

Trong đó:

- Document: đối tượng tài liệu HTML

- Ready(): Phương thức này sẽ tự động được thực thi mỗi khi trang được tải lên, tương tự như sự kiện onLoad() trong Javascript

Ví dụ:

```
$(document).ready(function(e) {  
    alert('Xin chào VIETPRO !');  
});
```

III – JQUERY SELECTOR

1. HTML Tag Selector

Cú pháp:

`$('HTML Tag name ')`

Ví dụ:

```
<script>  
$(document).ready(function(e) {  
    $('p').hide();  
});  
</script>  
  
<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

2. ID Selector

Cú pháp:

`$('#ID name')`

Ví dụ:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#title').hide();
});
</script>

<p id="title">Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

3. Class Selector

Cú pháp:

`$('.Class name')`

Ví dụ:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('.title').hide();
});
</script>

<p class="title">Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

IV – CÁC SỰ KIỆN PHỔ BIẾN TRONG JQUERY

1. Sự kiện click

Cú pháp:

`$('#selector').click()`

Ví dụ:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        alert('Xin chao VIETPRO !');
    });
});
</script>

<button id="but">Action</button>
```

2. Sự kiện mouseenter

Cú pháp:

`$('#selector').mouseenter ()`

Ví dụ:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').mouseenter(function(){
        alert('Xin chao VIETPRO !');
    });
});
```

```
});  
});  
</script>  
  
<button id="but">Action</button>
```

3. Sự kiện mouseleave

Cú pháp:

`$('#selector'). mouseleave ()`

Ví dụ:

```
<script>  
$(document).ready(function(e) {  
    $('#but').mouseleave(function(){  
        alert('Xin chao VIETPRO !');  
    });  
});  
</script>  
  
<button id="but">Action</button>
```

4. Sự kiện hover

Cú pháp:

`$('#selector'). hover (mouseenter (),mouseleave ())`

Ví dụ:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').hover(
        function(){
            $('p').hide();
        },
        function(){
            $('p').show();
        });
});
</script>

<button id="but">Action</button>

<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

V – JQUERY EFFECTS

1. Hiệu ứng Hide/Show

Cú pháp:

`$('#selector').hide()`

`$('#selector').show()`

Ví dụ

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
```

```
$('#but').hover(  
    function(){  
        $('p').hide();  
    },  
    function(){  
        $('p').show();  
    });  
});  
</script>  
  
<button id="but">Action</button>  
<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

2. Hiệu ứng Fade

Cú pháp:

```
$('#selector').fadeIn(speed)  
$('#selector').fadeOut(speed)  
$('#selector').fadeToggle(speed)  
$('#selector').fadeTo()
```

Trong đó:

- Speed: là tốc độ ẩn hiện được tính theo mili giây, các bạn cũng có thể để trống để sử dụng giá trị mặc định.

Ví dụ về fadeIn()

```
<style>
```



```
p{
    display:none;
}
</style>

<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('p').fadeIn(1000);
    });
});
</script>

<button id="but">Action</button>
<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

Ví dụ về fadeOut()

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('p').fadeOut(1000);
    });
});
</script>
```

```
<button id="but">Action</button>
```

```
<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

Ví dụ về fadeToggle()

```
<style>
```

```
p{
```

```
    display:none;
```

```
}
```

```
</style>
```

```
<script>
```

```
$(document).ready(function(e) {
```

```
    $('#but').click(function(){
```

```
        $('p'). fadeToggle(1000);
```

```
    });
```

```
});
```

```
</script>
```

```
<button id="but">Action</button>
```

```
<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

3. Hiệu ứng Slide

Cú pháp:

slideDown(speed)

slideUp(speed)

slideToggle(speed)

Trong đó:

- Speed: là tốc độ ẩn hiện được tính theo mili giây, các bạn cũng có thể để trống để sử dụng giá trị mặc định.

Ví dụ về slideDown()

```
<style>
p{
    display:none;
    color:#FFF;
    background:#ff6600;
}
</style>

<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('p').slideDown(1000);
    });
});
</script>

<button id="but">Action</button>

<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

Ví dụ về slideUp()

```
<style>
p{
    color:#FFF;
    background:#ff6600;
}
</style>

<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('p').slideUp(1000);
    });
});
</script>

<button id="but">Action</button>
<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

Ví dụ về fadeToggle()

```
<style>
p{
    display:none;
    color:#FFF;
```

```
background:#ff6600;
}
</style>

<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('p').slideToggle(1000);
    });
});
</script>

<button id="but">Action</button>

<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

4. Hiệu ứng Animate

Cú pháp:

`$('selector').animate({params}, speed)`

Trong đó

- Params: Đối tượng CSS
- Speed: Tốc độ thay đổi được tính theo mili giây hoặc bỏ qua để sử dụng giá trị mặc định

Ví dụ

```
<style>
p{
    width:400px;
    height:100px;
    line-height:100px;
    color:#FFF;
    text-align:center;
    background:#ff6600;
}
</style>

<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('p').animate({marginLeft:'100px'}, 1000);
        $('p').animate({height:'200px'}, 1000);
        $('p').animate({opacity:'0.5'}, 1000);
    });
});
</script>

<button id="but">Action</button>

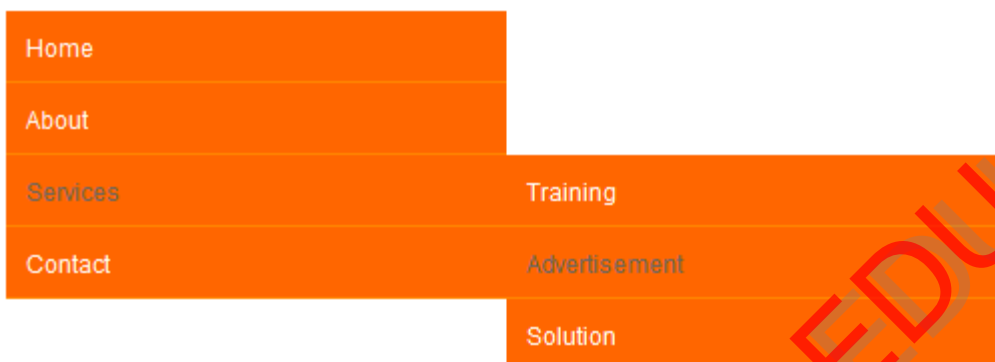
<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

Chú ý: Phương thức `animate()` thường sử dụng cho các thuộc tính liên quan đến vị trí, độ dài, hoặc độ trong suốt,...

B – BÀI TẬP

I – BÀI TẬP THỰC HÀNH

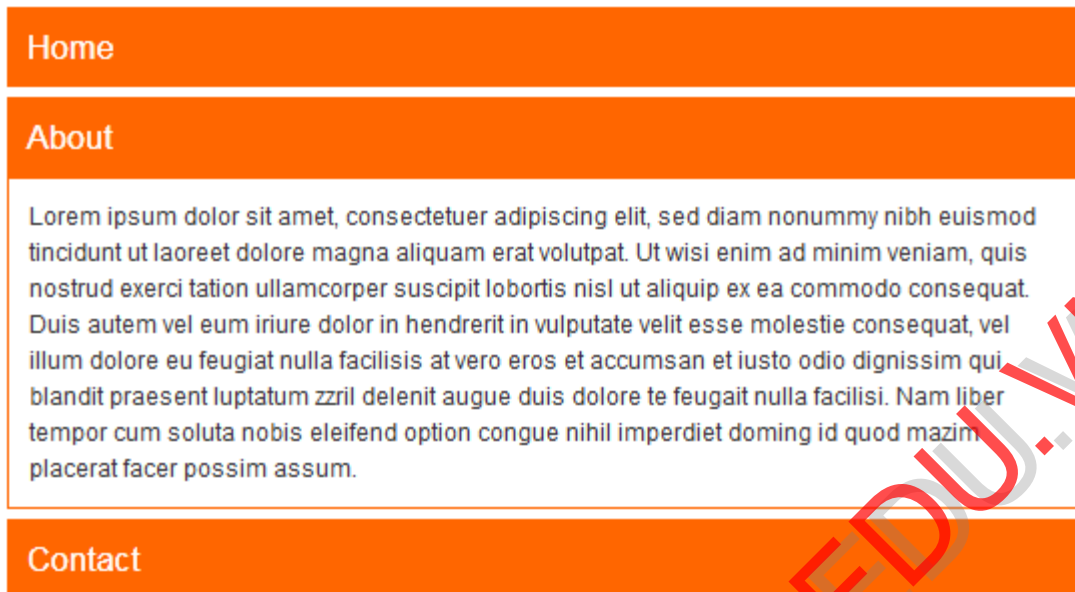
1. Xây dựng Menu dọc 2 cấp có hiệu ứng như hình dưới đây



2. Xây dựng Chức năng Quảng cáo góc phải màn hình như hình dưới đây



3. Xây dựng Chức năng hiển thị nội dung động như hình dưới đây



II – BÀI TẬP VỀ NHÀ